

KẾ HOẠCH

Làm sạch, chuẩn hóa, xác thực, đối soát và hoàn thiện

Cơ sở dữ liệu về thi hành án dân sự

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-THADS ngày tháng 6 năm 2026
của Trưởng Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai)

I. QUAN ĐIỂM

1. Dữ liệu là tài sản số quan trọng, là nền tảng của chuyển đổi số trong Hệ thống thi hành án dân sự; chất lượng dữ liệu quyết định trực tiếp đến hiệu quả quản lý, chỉ đạo, điều hành, thống kê, báo cáo, cung cấp dịch vụ công, kết nối, chia sẻ và khai thác thông tin phục vụ người dân, tổ chức.

2. Việc làm sạch, chuẩn hóa, xác thực, đối soát và hoàn thiện Cơ sở dữ liệu về thi hành án dân sự là nhiệm vụ thường xuyên, liên tục, gắn với trách nhiệm của người đứng đầu, trách nhiệm của công chức tạo lập, cập nhật, khai thác dữ liệu và trách nhiệm của đơn vị vận hành hệ thống.

3. Dữ liệu thi hành án dân sự phải được quản lý theo nguyên tắc “đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung”; bảo đảm phản ánh đúng hồ sơ nghiệp vụ, không làm sai lệch bản án, quyết định, chứng từ, tài liệu đã được lập hợp pháp; đồng thời đáp ứng yêu cầu chuẩn hóa để kết nối, chia sẻ, đối chiếu, so sánh với các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành có liên quan.

4. Sai sót về dữ liệu có thể dẫn đến sai lệch trong thống kê, báo cáo, công khai thông tin, xác minh điều kiện thi hành án, áp dụng biện pháp nghiệp vụ và giải quyết thủ tục hành chính; do đó phải được kiểm soát chặt chẽ bằng cả giải pháp nghiệp vụ, giải pháp kỹ thuật và cơ chế kiểm tra, truy vết đầy đủ.

II. MỤC TIÊU, YÊU CẦU VÀ PHẠM VI TRIỂN KHAI

1. Mục tiêu

1.1. Mục tiêu chung

Tổ chức rà soát, làm sạch, chuẩn hóa, xác thực, đối soát và hoàn thiện Cơ sở dữ liệu về thi hành án dân sự theo hướng tập trung, thống nhất, chính xác, cập nhật, có khả năng kết nối, chia sẻ và khai thác dùng chung; bảo đảm Cơ sở dữ liệu về thi hành án dân sự đáp ứng yêu cầu quản lý, vận hành Nền tảng số trong lĩnh vực thi hành án dân sự và yêu cầu kết nối, chia sẻ dữ liệu theo quy định.

Hoàn thiện hồ sơ, tài liệu, số liệu phục vụ đánh giá chất lượng Cơ sở dữ liệu về thi hành án dân sự; từng bước sử dụng dữ liệu để thay thế thành phần hồ sơ trong giải quyết thủ tục hành chính, giảm nhập liệu lại, giảm giấy tờ, nâng cao chất lượng phục vụ người dân, tổ chức và hiệu quả chỉ đạo, điều hành của Hệ thống Thi hành án dân sự.

1.2. Mục tiêu cụ thể

a) Xác định thống nhất danh mục trường thông tin bắt buộc, trường thông tin điều kiện, trường thông tin tham chiếu và danh mục dùng chung phục vụ làm sạch, chuẩn hóa Cơ sở dữ liệu về thi hành án dân sự.

b) Rà soát, phân loại dữ liệu thuộc phạm vi triển khai theo các nhóm: dữ liệu thiếu trường bắt buộc nghiêm trọng; dữ liệu thiếu trường phục vụ kết nối, đối chiếu so sánh; dữ liệu thiếu trường bổ trợ; dữ liệu trùng, nghi trùng; dữ liệu sai định dạng; dữ liệu không khớp hoặc có dấu hiệu bất thường.

c) Cập nhật, bổ sung, chỉnh lý dữ liệu còn thiếu; xử lý dữ liệu trùng, nghi trùng sau khi có kết quả kiểm tra, xác nhận của đơn vị quản lý dữ liệu.

d) Tổ chức đối soát, xác thực dữ liệu cá nhân trong Cơ sở dữ liệu về thi hành án dân sự với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư đối với các bản ghi đủ điều kiện đối soát; phân loại rõ dữ liệu khớp, không khớp, thiếu thông tin, ngoại lệ để tiếp tục xử lý.

đ) Triển khai kết nối, khai thác dữ liệu bản án, quyết định của Tòa án nhân dân tối cao để tận dụng nguồn dữ liệu đầu vào đã được chuẩn hóa, hạn chế nhập liệu thủ công và giảm sai sót trong quá trình tạo lập dữ liệu thi hành án dân sự.

e) Thiết lập chức năng, quy trình và cơ chế kỹ thuật để dữ liệu phát sinh mới trên Nền tảng số trong lĩnh vực thi hành án dân sự được kiểm tra, chuẩn hóa, cảnh báo và xác thực ngay từ đầu, hạn chế phát sinh dữ liệu sai, thiếu, trùng lặp.

2. Yêu cầu

a) Việc làm sạch, chuẩn hóa, xác thực và đối soát dữ liệu phải được triển khai thống nhất trong toàn Hệ thống thi hành án dân sự; bảo đảm rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm, rõ thời hạn, rõ sản phẩm đầu ra.

b) Dữ liệu thi hành án dân sự phải được xử lý theo đúng bản chất, quy trình nghiệp vụ; không làm sai lệch hồ sơ thi hành án, bản án, quyết định, chứng từ, tài liệu nghiệp vụ đã được lập hợp pháp theo quy định pháp luật.

c) Việc chuẩn hóa, xác thực thông tin định danh cá nhân không được ghi đè lên thông tin gốc trong bản án, quyết định, hồ sơ thi hành án. Trường hợp thông tin trong hồ sơ nghiệp vụ khác với thông tin định danh đã được xác thực thì phải quản lý tách bạch giữa thông tin theo hồ sơ nghiệp vụ và thông tin định danh đã được xác thực.

d) Việc kết nối, khai thác, đối soát với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và các cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin khác phải thực hiện theo đúng phạm vi, mục đích, phương thức, điều kiện kỹ thuật, yêu cầu an toàn thông tin, bảo vệ dữ liệu cá nhân và quy định về kết nối, chia sẻ dữ liệu.

đ) Ưu tiên xử lý trước đối với dữ liệu đang phát sinh, dữ liệu đang được sử dụng để quản lý, chỉ đạo, điều hành, dữ liệu phục vụ kết nối, chia sẻ, giải quyết thủ tục hành chính, xác minh điều kiện thi hành án, tạm hoãn xuất cảnh, thu nộp tiền thi hành án, công khai thông tin và báo cáo thống kê.

e) Kết quả làm sạch phải được lượng hóa bằng số liệu cụ thể; có báo cáo trước và sau làm sạch; có danh sách dữ liệu đã đối soát, dữ liệu khớp, dữ liệu không khớp, dữ liệu thiếu thông tin, dữ liệu trùng, dữ liệu ngoại lệ và dữ liệu còn tồn tại cần tiếp tục xử lý.

g) Quá trình thực hiện phải bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu cá nhân; phân quyền truy cập phù hợp; ghi nhận đầy đủ nhật ký xử lý, nhật ký sửa đổi, nhật ký khai thác, nhật ký đối soát và bảo đảm khả năng truy vết.

3. Phạm vi triển khai

3.1. Về phạm vi dữ liệu

Kế hoạch này tập trung triển khai đối với dữ liệu đã có, đang phát sinh và tiếp tục được cập nhật trong Cơ sở dữ liệu về thi hành án dân sự, Nền tảng số trong lĩnh vực thi hành án dân sự, bao gồm:

- Dữ liệu được tạo lập trực tiếp từ các phân hệ nghiệp vụ trên Nền tảng số trong lĩnh vực thi hành án dân sự.
- Dữ liệu được kế thừa, tải lên từ hồ sơ thi hành án còn tồn từ năm 2025 chuyển sang năm 2026.
- Dữ liệu về hồ sơ thi hành án, bản án, quyết định, đương sự, nghĩa vụ thi hành án, quá trình tổ chức thi hành án, kết quả thi hành án, trạng thái hồ sơ, thông tin công khai và các dữ liệu khác phục vụ quản lý, báo cáo, kết nối, chia sẻ.
- Dữ liệu phục vụ xác thực, đối soát với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và khai thác, đối chiếu với dữ liệu của Tòa án nhân dân tối cao.

3.2. Về phạm vi đối tượng

- Các đơn vị thuộc Thi hành án dân sự tỉnh; Chấp hành viên, công chức của các đơn vị thuộc Thi hành án dân sự tỉnh;
- Đơn vị vận hành Nền tảng số trong lĩnh vực thi hành án dân sự: Công ty TNHH FPT IS;
- Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc kết nối, xác thực, đối soát, khai thác, sử dụng dữ liệu theo nhiệm vụ được giao.

3.3. Về thời gian thực hiện

Thời gian thực hiện: **Hoàn thành trước ngày 30/6/2026.**

Sau thời gian nêu trên việc kiểm tra, làm sạch, chuẩn hóa, xác thực dữ liệu tiếp tục được duy trì thường xuyên, trở thành nhiệm vụ định kỳ trong quản lý, vận hành Cơ sở dữ liệu về thi hành án dân sự.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM

Thủ trưởng các đơn vị thuộc THADS tỉnh và các công chức liên quan căn cứ nhiệm vụ được giao chủ trì, phối hợp để phân công cán bộ theo dõi, đôn đốc tiến độ thực hiện; bảo đảm hoàn thành đúng thời hạn, đúng yêu cầu và có sản phẩm đầu ra cụ thể, phục vụ công tác kiểm tra, tổng hợp, đánh giá kết quả triển khai Kế

hoạch. Các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm về làm sạch, chuẩn hóa, xác thực, đối soát và hoàn thiện Cơ sở dữ liệu về THADS được thực hiện như sau:

TT	Nội dung nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Đơn vị, người thực hiện	Sản phẩm đầu ra	Thời hạn/tiến độ	Ghi chú
1	THADS tỉnh và Phòng THADS khu vực trong tỉnh rà soát, đối chiếu dữ liệu trên Nền tảng số với hồ sơ nghiệp vụ, bản án, quyết định, chứng từ, tài liệu liên quan; bổ sung trường dữ liệu còn thiếu; kiểm tra, xác nhận dữ liệu cần giữ lại, hợp nhất hoặc xóa dữ liệu trùng (nếu có)	THADS tỉnh (Ban Chỉ đạo và Tổ triển khai NTS trong lĩnh vực THADS)	- Ban Chuyển đổi số và thống kê thi hành án - Công ty TNHH FPT IS	Thủ trưởng đơn vị, Chấp hành viên, công chức (Phòng NV&TCT HADS, Phòng THADS khu vực)	Dữ liệu đã được rà soát, bổ sung, chỉnh lý, xác nhận; danh sách dữ liệu đề nghị giữ lại, hợp nhất hoặc xóa dữ liệu trùng (nếu có)	Trước ngày 26/6/2026	Duy trì thường xuyên
2	Kiểm tra kết quả làm sạch, chuẩn hóa, xác thực, đối soát dữ liệu; tổng hợp kết quả thực hiện, báo cáo lãnh đạo THADS tỉnh; đề xuất phương án xử lý tồn tại hạn chế, khó khăn vướng mắc	THADS tỉnh (Ban Chỉ đạo và Tổ triển khai NTS trong lĩnh vực THADS)	- Ban Chuyển đổi số và thống kê thi hành án - Công ty TNHH FPT IS	Thủ trưởng đơn vị, Chấp hành viên (Phòng NV&TCT HADS, Phòng THADS khu vực)	Báo cáo tỷ lệ dữ liệu đã đủ trường bắt buộc; danh sách dữ liệu còn thiếu, sai, không xác thực được (nếu có); bảng tổng hợp kết quả	Trước ngày 28/6/2026	

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban Chỉ đạo về chuyển đổi số Thi hành án dân sự tỉnh

Ban Chỉ đạo về chuyển đổi số Thi hành án dân sự tỉnh có trách nhiệm:

Chỉ đạo đơn đốc Thủ trưởng các đơn vị thuộc THADS tỉnh, Chấp hành viên, công chức có liên quan rà soát, bổ sung, xác nhận dữ liệu thiếu, dữ liệu nghi vấn, dữ liệu không khớp, dữ liệu trùng, nghi trùng.

2. Tổ triển khai Nền tảng số

Tổ triển khai Nền tảng số có trách nhiệm:

a) Tham mưu Trưởng Thi hành án dân sự tỉnh, Ban Chỉ đạo về chuyển đổi số Thi hành án dân sự tỉnh theo dõi tiến độ, đơn đốc làm sạch, chuẩn hóa, xác thực dữ liệu và báo cáo chất lượng dữ liệu của Hệ thống Thi hành án dân sự tỉnh; là đầu mối dữ liệu, đầu mối nghiệp vụ và đầu mối kỹ thuật để phối hợp thực hiện.

b) Hướng dẫn các Phòng chuyên môn và các Phòng Thi hành án dân sự khu vực trong tỉnh rà soát, phân loại, chỉnh lý, bổ sung trường dữ liệu bắt buộc còn thiếu trong hồ sơ, việc thi hành án thuộc phạm vi quản lý.

c) Kiểm tra, xác nhận các trường hợp dữ liệu nghi vấn, dữ liệu không khớp, dữ liệu thiếu thông tin, dữ liệu ngoại lệ; xác nhận việc hợp nhất, xóa hoặc giữ lại dữ liệu trùng, nghi trùng theo đúng hướng dẫn.

d) Tham mưu văn bản yêu cầu các đơn vị thuộc Thi hành án dân sự tỉnh cam kết về tính đúng, đủ, kịp thời của dữ liệu thuộc thẩm quyền quản lý, tạo lập.

đ) Theo dõi, kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch; kịp thời tham mưu Lãnh đạo Thi hành án dân sự tỉnh đôn đốc, chấn chỉnh đơn vị chậm tiến độ hoặc chất lượng dữ liệu chưa bảo đảm; tổng hợp kết quả thực hiện, báo cáo Lãnh đạo Thi hành án dân sự tỉnh, Cục Quản lý Thi hành án dân sự theo yêu cầu.

3. Các Phòng chuyên môn và các Phòng Thi hành án dân sự khu vực thuộc Thi hành án dân sự tỉnh

Các Phòng chuyên môn và các Phòng Thi hành án dân sự khu vực thuộc Thi hành án dân sự tỉnh, có trách nhiệm:

a) Phối hợp rà soát quy tắc nghiệp vụ đối với từng nhóm dữ liệu thuộc lĩnh vực phụ trách; xác định trường thông tin bắt buộc, trường thông tin điều kiện, trường thông tin tham chiếu và danh mục nghiệp vụ dùng chung.

b) Cho ý kiến về quy tắc xác định các trạng thái dữ liệu, ngày cập nhật trạng thái, điều kiện chuyển trạng thái và quan hệ giữa dữ liệu trên hệ thống với hồ sơ nghiệp vụ.

c) Phối hợp xử lý các trường hợp dữ liệu có vướng mắc nghiệp vụ, dữ liệu không đủ căn cứ cập nhật, dữ liệu có xung đột giữa hồ sơ và hệ thống, dữ liệu có khả năng ảnh hưởng đến quyền, nghĩa vụ của đương sự và người dân.

d) Phối hợp tuyên truyền, quán triệt nâng cao nhận thức, trách nhiệm của công chức về vai trò, giá trị và yêu cầu quản lý chất lượng dữ liệu thi hành án dân sự.

đ) Chịu trách nhiệm về kết quả chỉnh lý, bổ sung, xác nhận dữ liệu và cam kết tính đúng, đủ, kịp thời của dữ liệu thuộc phạm vi quản lý, tạo lập trước Lãnh đạo Thi hành án dân sự tỉnh, Cục Quản lý Thi hành án dân sự.

e) Thủ trưởng đơn vị chịu trách nhiệm trước Lãnh đạo Thi hành án dân sự tỉnh, Cục Quản lý Thi hành án dân sự về chất lượng dữ liệu thuộc phạm vi quản lý./.